TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 5; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 và Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 218/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Trịnh Công T**; sinh năm 2001; Căn cước công dân số: 034201012058, cấp ngày 26/4/2022; Nơi thường trú: tổ A, khu phố H, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

Chị **Nguyễn Thái Thùy N**; sinh năm 2003; Căn cước công dân số: 022303003471, cấp ngày 30/10/2025; Nơi thường trú: tổ 18a, khu phố H, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N có đăng ký kết hôn ngày 13/06/2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy cãi vã, xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng do đó hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N cùng trình bày có 01 người con chung là Trịnh Đăng K, sinh ngày 16/12/2023. Anh T và chị N thống nhất sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Đăng K cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trịnh Đăng K số tiền 2.000.000đ (đồng)/tháng kể từ tháng

5 năm 2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N thống nhất anh T là người chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con chung.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N.

- Về con chung: anh Trịnh Công T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Trịnh Đăng K, sinh ngày 16/12/2023 kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trịnh Đăng K số tiền 2.000.000đ (đồng)/tháng kể từ tháng 5 năm 2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thái Thùy N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng chị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thái Thùy N không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Trịnh Công T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001804 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ninh;
- UBND phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh;
- THA DS tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Thuý